

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 158/TTr-SNNMT ngày 17/3/2026 và Văn bản số 2128/SNNMT-CCMT ngày 25/3/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Yên Bái;

c) Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lào Cai;
- Trung tâm thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, TH, KT, XD-TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định chi tiết và biện pháp thi hành: Điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; khoản 6 Điều 62; khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; khoản 2, khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; điểm c khoản 5 Điều 81; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 86 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.
- Quy định chi tiết và biện pháp thi hành: Khoản 1 Điều 63; khoản 4 Điều 64 và khoản 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy định chi tiết thi hành khoản 5 Điều 42 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Những nội dung khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân có hoạt động liên quan đến môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện phân loại theo 03 nhóm gồm:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- b) Chất thải thực phẩm và hữu cơ;
- c) Chất thải rắn sinh hoạt khác, bao gồm:

Chất thải công kênh: các vật dụng phục vụ sinh hoạt của con người do con người thải bỏ có kích thước lớn như giường, tủ, bàn, ghế, chân, ga, đệm, khung tranh...; cây, dây leo và chất thải khác do phát quang, vệ sinh nơi ở của con người;

Chất thải nguy hại gồm: Bóng đèn huỳnh quang hỏng; linh kiện, thiết bị điện tử hỏng (*điều khiển, ti vi, tủ lạnh, lò vi sóng, bếp từ, máy nghe nhạc, máy vi tính, máy tính bảng điện thoại di động, pin...*); dung môi, hóa chất như dầu nhớt thải từ ô tô, xe máy; vỏ chai, lọ, bao bì đựng dầu nhớt, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt côn trùng, dung dịch tẩy rửa; hộp đựng sơn, mực in... đã qua sử dụng;

Chất thải còn lại hay chất thải vô cơ không có khả năng tái chế, tái sử dụng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền, tổ chức thực hiện phân loại tại nguồn; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp chặt chẽ với cơ quan nông nghiệp và môi trường cùng cấp trong việc phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

4. Khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát các quy hoạch có liên quan trên địa bàn để đề xuất bổ trí hoặc bổ sung quỹ đất cho các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 4. Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; thời gian và tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các điểm thu gom chất thải đến điểm tập kết, trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện xây dựng kế hoạch về tần suất thu gom, thời điểm thu gom, địa điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại từng địa bàn cho phù hợp, thuận lợi cho việc thực hiện của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân để trao đổi, bàn bạc, thống nhất nội dung kế hoạch thu gom, vận chuyển và tổ chức thực hiện kế hoạch.

3. Thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

4. Đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tổ chức thu gom, vận chuyển theo tuyến đường phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến mỹ quan cũng như đời sống, sinh hoạt của người dân và các hoạt động giao thông trên các tuyến đường. Không dừng đỗ xe đang chờ chất thải rắn sinh hoạt tại những nơi có sự kiện đang tập trung đông người, công chợ, cơ quan, trường học, trừ dừng xe để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân để thống nhất và thông báo rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân biết và thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của đơn vị dịch vụ thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

Điều 5. Quản lý chất thải công kênh

1. Phân loại chất thải công kênh

a) Chất thải công kênh sau khi tháo dỡ phải phân loại thành các sản phẩm có thể tái chế, tái sử dụng để giảm thiểu tối đa việc phát thải ra môi trường và tận dụng triệt để giá trị nguồn tài nguyên từ chất thải;

b) Chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm tháo dỡ, thu gom, giảm kích thước, thể tích chất thải bỏ đến mức có thể lưu chứa được trong phương tiện thu gom rác trước khi vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc cơ sở xử lý. Trường hợp không thể tự tháo dỡ, giảm kích thước tại nơi phát sinh chất thải thì phải thanh toán chi phí thực hiện dịch vụ tháo dỡ này theo thỏa thuận cho đơn vị thu gom, vận chuyển;

c) Chất thải công kênh phát sinh tại các khu vực đất trống do tư nhân quản lý hoặc nhà nước quản lý thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Thu gom, vận chuyển chất thải công kênh

a) Chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân có thể tự vận chuyển hoặc chuyển giao cho các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn để đưa chất thải công kênh đến các điểm tập kết và trạm trung chuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã thiết lập; Nghiêm cấm việc tự ý đổ thải chất thải công kênh xuống sông, kênh, rạch, ao, hồ, nương, suối và các địa điểm khác không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Chất thải công kênh phải được thu gom, vận chuyển từ nguồn thải đến điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc cơ sở xử lý bằng các phương tiện đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải;

c) Công tác thu gom, vận chuyển chất thải công kênh từ điểm tập kết, trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý được thực hiện theo quy trình tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp đơn vị trúng đấu thầu gói thầu thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn để xác định, lựa chọn vị trí bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển (nếu có) và thông tin rộng rãi đến chủ nguồn thải trên địa bàn, việc thực hiện thu gom chất thải công kênh tại các điểm tập kết và trạm trung chuyển do địa phương thiết lập được thực hiện với tần suất ít nhất 01 lần/tháng và được Ủy ban nhân dân cấp xã đưa vào nội dung đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

3. Xử lý chất thải công kênh

Việc xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 6. Quản lý đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa

1. Dự án đầu tư nạo vét hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh phải đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Vị trí đổ thải vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa phải phù hợp với các quy hoạch, nơi chưa có quy hoạch vị trí đổ thải thì chủ dự án, chủ cơ sở phải xác định vị trí đổ thải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án đầu tư nạo vét thực hiện trên địa bàn từ 02 xã trở lên) để được xem xét chấp thuận.

3. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý, đổ thải vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa phải thực hiện đúng quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định như sau:

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của địa phương;

b) Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định;

c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước;

d) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom vật chất từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa;

đ) Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, có sổ theo dõi vận chuyển (khối lượng, nguồn phát sinh, thời gian vận chuyển, nơi xử lý, thời gian xử lý...), các chứng từ, giấy tờ kèm theo.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc thẩm quyền phải hạn chế, giảm thiểu tác động đến địa hình, cảnh quan môi trường, địa chất, di sản thiên nhiên theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH15;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc lập quy hoạch và xây dựng các điểm đổ chất thải xây dựng kết hợp với đổ thải vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại khoản 6 Điều 65 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH15 và Quy định này;

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn chủ dự án đầu tư công trình giao thông; kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt.

Điều 7. Quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu hệ thống thoát nước

1. Các loại chất thải rắn xây dựng được phân loại, tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau:

a) Đất, đất bùn thải không có yếu tố nguy hại từ hoạt động đào, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc san lấp tạo mặt bằng làm tăng giá trị của đất tại các khu vực phù hợp quy hoạch theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng) được tái sử dụng, tái chế làm vật liệu xây dựng hoặc vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng, các mỏ khoáng sản đã có quyết định đóng cửa mỏ hoặc chôn lấp trong bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng;

c) Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế được tái chế, tái sử dụng và quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Cơ sở thu gom chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước

Chủ cơ sở thu gom chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước có trách nhiệm đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Phải có đủ thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn theo quy định;

c) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước đến cơ sở, khu vực xử lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hoặc công trình khác để tái sử dụng. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển;

d) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và chủ cơ sở cung cấp dịch vụ, được thể hiện trong hợp đồng thu gom, vận chuyển;

e) Phải có sổ theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước.

3. Vận chuyển chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước

a) Chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước phải được vận chuyển đến điểm tập kết, khu xử lý, cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch về xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cơ sở tái chế, công trình khác để tái chế, tái sử dụng theo quy định pháp luật. Đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vận chuyển đến vị trí được Ủy ban nhân dân xã chấp thuận;

b) Chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước phải được vận chuyển đảm bảo an toàn giao thông và tuân thủ các quy định của cơ quan có thẩm quyền về phân luồng giao thông tại địa phương;

c) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước phải bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành theo quy định;

d) Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, có sổ theo dõi vận chuyển (khối lượng, nguồn phát sinh, thời gian vận chuyển, nơi xử lý, thời gian xử lý...), các chứng từ, giấy tờ kèm theo.

4. Xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước

a) Đối với xử lý chất thải rắn xây dựng tại nguồn thải, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước: Đối với nguồn thải không yêu cầu hồ sơ pháp lý về môi trường, thực hiện đảm bảo quy trình, biện pháp xử lý phù hợp, an toàn, bảo vệ môi trường. Đối với các dự án, cơ sở có hồ sơ pháp lý về môi trường, xử lý đảm bảo theo hồ sơ pháp lý về môi trường. Khuyến khích việc tự xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước tại nơi phát sinh với biện pháp phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường;

b) Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước: Cơ sở xử lý phải được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các công nghệ xử lý bao gồm: Nghiền, sàng; sản xuất vật liệu xây dựng; chôn lấp, sản xuất phân bón và các công nghệ khác. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bể phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội;

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom chất thải, khi tiến hành các hoạt động xây dựng, cải tạo hoặc

phá dỡ công trình xây dựng, nạo vét bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước, chất thải phát sinh phải được tái sử dụng hoặc đổ đúng vị trí được cấp có thẩm quyền chấp thuận, không được tự ý đổ chất thải ra môi trường;

d) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn, chủ đầu tư xây dựng tự xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước trong phạm vi diện tích đất ở, đất vườn và phạm vi đất sử dụng để thực hiện dự án, hoặc chuyển giao cho các đối tượng: Chủ cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật; Chủ thu gom, vận chuyển đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; Chủ xử lý đã được cấp giấy phép môi trường hoặc đã hoạt động theo văn bản, giấy tờ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

đ) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại đô thị khi tiến hành hoạt động xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng, nạo vét bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước, chất thải phát sinh nếu không được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng; đất; bùn sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây, các khu vực đất phù hợp khác thì phải được thu gom và chuyển giao cho các đối tượng có chức năng xử lý theo quy định.

5. Trách nhiệm chủ xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước

a) Hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định;

c) Tiếp nhận và xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước từ các chủ thu gom, vận chuyển trên cơ sở hợp đồng ký kết và có phiếu ghi khối lượng, thành phần chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước được vận chuyển đến hàng ngày, có xác nhận của hai bên;

d) Có sổ theo dõi hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước, nội dung gồm: Thông tin chung của các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước; Khối lượng/dung tích/số chuyến xe chở chất thải rắn xây dựng được tiếp nhận của từng chủ thu gom, vận chuyển; loại chất thải rắn xây dựng, chất thải từ bề phốt, bồn cầu và hệ thống thoát nước tiếp nhận.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Rà soát, đánh giá các vị trí đổ thải đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây phê duyệt quy hoạch. Trường hợp vị trí đã được quy hoạch không đáp ứng yêu cầu đổ thải, cần xem xét, xác định bổ sung các vị trí mới để đưa vào quy hoạch chung của cấp xã cho phù hợp;

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã chưa có các vị trí đổ thải, chỉ đạo các phòng chuyên môn rà soát, kiểm tra, đánh giá lựa chọn vị trí đổ thải cho phù hợp và bổ sung vào quy hoạch chung của cấp xã;

c) Yêu cầu các chủ vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, hệ thống thoát nước phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Giao cho một cơ quan chuyên môn trực thuộc tiếp nhận đăng ký của chủ phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, hệ thống thoát nước trong địa bàn quản lý, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm của chủ phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, hệ thống thoát nước trong địa bàn quản lý; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý khu vực đổ chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, hệ thống thoát nước bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường.

Điều 8. Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

1. Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế

a) Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở y tế dự phòng; cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe; cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược thì phân loại, thu gom, quản lý, lưu giữ chất thải rắn y tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT;

b) Các cơ sở y tế hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải có Giấy phép môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp để thu gom, vận chuyển.

c) Các cơ sở y tế tự vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại của mình hoặc hợp đồng với Bệnh viện, Trung tâm Y tế (mô hình cụm) trong phạm vi xã, phường, khu vực lân cận để vận chuyển về lưu giữ, xử lý theo quy định;

d) Việc chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm phải được ghi vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT và lập chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

đ) Thiết bị, phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại của chủ nguồn thải, các cơ sở y tế, Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế phải đáp ứng quy định tại Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Xử lý chất thải rắn y tế

a) Đối với chất thải rắn y tế thông thường được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp cơ sở thuộc Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư

số 20/2021/TT-BYT, chủ nguồn thải được phép chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu tái chế phù hợp;

b) Đối với chất thải rắn y tế nguy hại

- Cơ sở y tế ký hợp đồng với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại để chuyển giao, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại;

- Cơ sở y tế ký hợp đồng với Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế để chuyển giao, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm (phạm vi địa bàn xã, phường lân cận);

- Cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại được tự xử lý chất thải y tế nguy hại và được xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế trong phạm vi địa bàn các xã, phường lân cận khi công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn dư công suất và tình trạng thiết bị, công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn tốt, vận hành ổn định, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và có giấy phép môi trường theo quy định;

- Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại tham gia xử lý cho cơ sở y tế lân cận phải xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại (gồm: Địa điểm, mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại; Phạm vi, phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại; Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại; giấy phép môi trường và các hồ sơ pháp lý môi trường tương đương có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại; Thông tin về công suất xử lý, công suất còn dư thừa của công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại).

Điều 9. Quy định đối với tuyến đường và thời gian hoạt động chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, điểm thu gom chất thải thuộc các khu, cụm công nghiệp đến cơ sở xử lý chất thải theo quy định.

2. Thời gian vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

3. Các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải có trách nhiệm chấp hành Luật Giao thông đường bộ khi tham gia vận chuyển chất thải nguy hại trên đường bộ; cung cấp lộ trình và thời gian vận chuyển cho các cơ quan chuyên môn khi có yêu cầu phối hợp. Dữ liệu, thông tin từ thiết bị giám sát hành trình phải được chia sẻ khi có yêu cầu của cơ quan chuyên môn để cùng phối hợp; quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại đi theo đúng lộ trình và thời gian theo kế hoạch.

Điều 10. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư, khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

1. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát các quy hoạch có liên quan trên địa bàn để đề xuất bố trí hoặc bổ sung quỹ đất cho các công trình xử lý chất thải, trong đó có các công trình thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn; hoàn thành trong kỳ điều chỉnh quy hoạch gần nhất kể từ ngày ban hành Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch vốn trung hạn theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung bằng nguồn xã hội hóa và quản lý, vận hành theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH15 đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường thì phải di chuyển hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để phù hợp với quy định về khoảng cách an toàn môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.

2. Trong thời gian thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định về quản lý chất thải và các yêu cầu khác được quy định trong hồ sơ pháp lý về môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khi xem xét chấp thuận địa điểm nghiên cứu lập quy hoạch hoặc giới thiệu vị trí thực hiện dự án đầu tư hoặc khi chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án đầu tư mới phải thực hiện yêu cầu khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư bao gồm: dự án đầu tư có yếu tố dễ cháy, dễ nổ phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, quản lý vật liệu nổ; dự án đầu tư có chất phóng xạ, chất thải phóng xạ hoặc thiết bị bức xạ phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư theo quy định về khoảng cách an toàn của pháp luật về an toàn bức xạ; dự án đầu tư có chất độc hại đối với người và sinh vật phải có khoảng cách an toàn đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về an toàn hóa chất; dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; dự án đầu tư có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó

chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người phải có khoảng cách an toàn đối với khu dân cư theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Điều 12. Quản lý chất thải nhựa

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hạn chế sử dụng, giảm thiểu, phân loại, thải bỏ chất thải là sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học theo quy định; không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông, suối. Các cơ sở kinh doanh du lịch, nuôi trồng và khai thác thủy sản hoạt động trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải nhựa phát sinh cho cơ sở có đủ chức năng tái chế và xử lý.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức khác trên địa bàn tỉnh không sử dụng các sản phẩm nhựa khó phân hủy sử dụng một lần trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo.

Điều 13. Ưu đãi, khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

1. Nhà đầu tư dự án xây dựng, kinh doanh và vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được hưởng các ưu đãi, khuyến khích theo quy định tại Điều 132; Điều 133 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 49 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Kinh phí để thực hiện đầu tư và duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới các công trình hạ tầng thiết yếu như: Hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp, thoát nước, đường giao thông và các hạng mục công trình khác ngoài hàng rào các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được bố trí từ nguồn Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 14. Lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động

1. Các Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung mà không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải và các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp đang hoạt động trong cụm công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì được miễn áp dụng phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Các cụm công nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải hoàn thành đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH15;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí theo quy định của Luật số 72/2020/QH15, quy định của Chính phủ và quy định của Bộ Nông nghiệp nguyên và Môi trường;

d) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

2. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo phát triển ngành công nghiệp môi trường; phối hợp tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động quản lý hóa chất, xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy theo quy định của pháp luật;

b) Đối với những dự án đầu tư do Sở Công Thương thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phải yêu cầu chủ dự án thống nhất các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong hồ sơ dự án với các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường của dự án đầu tư của pháp luật xây dựng hiện hành.

c) Hướng dẫn các cơ sở sản xuất thay đổi thiết kế bao bì nhựa, sản phẩm nhựa theo hướng giảm tối đa định mức nguyên liệu nhựa/sản phẩm nhựa; hỗ trợ, thúc đẩy các cơ sở sản xuất tăng dần tỷ lệ nguyên liệu nhựa tái chế trong các sản phẩm hàng hóa; chỉ đạo tổ chức, thực hiện vận động các doanh nghiệp sản xuất, các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ đăng ký tham gia phong trào chống rác thải nhựa; chỉ đạo triển khai xây dựng mô hình trung tâm thương mại, siêu thị không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; đề xuất cơ chế, chính sách phát triển sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nhựa tái

ché, lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa có sử dụng phế liệu nhựa gắn với phát triển ngành công nghiệp môi trường.

d) Có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác quản lý nhà nước đối với các Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với hoạt động liên quan đến lĩnh vực ngành trên địa bàn tỉnh;

e) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

3. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn chức thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thiết kế hệ thống thu gom chất thải rắn phù hợp với việc phân loại chất thải rắn tại nguồn của trung tâm thương mại kết hợp với căn hộ chung cư, chung cư kết hợp với văn phòng, tổ hợp công trình cao tầng có chức năng hỗn hợp theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn thực hiện các thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung theo thẩm quyền;

b) Trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp, Sở Xây dựng xem xét sự phù hợp, thống nhất của các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong hồ sơ dự án với nội dung đã được phê duyệt tại quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường của dự án đầu tư (nếu có);

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông vận tải theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa do địa phương quản lý theo thẩm quyền;

d) Phối hợp với các cơ quan thực hiện thanh, kiểm tra việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công đối với các dự án, công trình xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, các bến thủy;

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã quy hoạch địa điểm xử lý chất thải rắn trên địa bàn; ưu tiên quy hoạch bố trí địa điểm đổ chất thải cùng khu vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh;

g) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Lào Cai bao gồm các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường; chủ trì, phối hợp với các cơ

quan liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong lĩnh vực môi trường theo quy định của Luật Đầu tư; hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường;

b) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước do tỉnh cấp quản lý để thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường được quy định tại Quy định này;

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển bảo đảm yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, nguồn lực bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sạch, phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường; ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, các dự án kiểm soát ô nhiễm, quản lý, xử lý chất thải, tái chế chất thải, vệ sinh môi trường thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành;

đ) Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường;

e) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

5. Sở Y tế

a) Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện quản lý chất thải, bảo vệ môi trường trong khuôn viên bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; bảo vệ môi trường trong phòng, chống dịch bệnh; quy định về mai táng, hỏa táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm; hướng dẫn, thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý và xử lý chất thải y tế ở các bệnh viện, cơ sở y tế và các tổ chức, cá nhân hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, giám sát việc sử dụng các thiết bị bức xạ, các loại thuốc, hóa chất phóng xạ, công tác thu gom vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải phóng xạ dùng trong y tế;

đ) Quản lý, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực sức khỏe môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động mai táng trong khuôn viên của bệnh viện;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh;

g) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; hướng dẫn cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phát triển các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường trên địa bàn tỉnh, phối hợp với các ngành liên quan và địa phương trong công tác tuyên truyền giảm thiểu sử dụng rác thải nhựa, phân loại rác tại nguồn;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng số;

c) Kiểm tra, giám sát bảo vệ môi trường đối với các cơ sở hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo thẩm quyền;

d) Đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quy hoạch, phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, không xâm hại đến di sản, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan, các loài sinh vật tại khu du lịch, điểm du lịch;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh;

e) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, các giải pháp xử lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xử lý chất thải rắn;

b) Tổ chức thực hiện quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; quản lý và theo dõi hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

trên địa bàn tỉnh; Thẩm định hoặc tham gia ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có hoạt động xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

đ) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

8. Sở Nội vụ

Thực hiện hiệu quả, kịp thời việc lồng ghép các tiêu chí về bảo vệ môi trường trong việc bình xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động kinh doanh, sản xuất trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức lồng ghép nội dung kiến thức về môi trường, bảo vệ môi trường trong xây dựng, thực hiện chương trình giáo dục, đào tạo của các cấp học; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

10. Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trong tỉnh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 50, 51 Luật số 72/2020/QH15;

b) Kiểm tra chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chủ cơ sở bên trong khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện các trách nhiệm theo quy định pháp luật và theo thẩm quyền;

c) Trong quá trình phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo thẩm quyền đối với các dự án mới hoặc dự án đang hoạt động nâng công suất có phát sinh nước thải trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải xem xét sự phù hợp với các yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

d) Trường hợp xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp, các phân khu chức năng thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thì Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

e) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Có trách nhiệm thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quốc phòng; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện quy định pháp

luật về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường trong khuôn viên các đơn vị quân đội trên địa bàn tỉnh thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý; xây dựng, tổ chức lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

12. Công an tỉnh

a) Có trách nhiệm thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động của lực lượng công an trên địa bàn tỉnh; chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo, tổ chức các hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm môi trường trên địa bàn tỉnh; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện quy định pháp luật về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường trong khuôn viên các đơn vị công an trên địa bàn tỉnh thuộc Công an tỉnh quản lý; xây dựng, tổ chức lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thuộc ngành quản lý;

d) Tiếp nhận, xác minh tin báo, tố giác liên quan đến môi trường; khi có dấu hiệu tội phạm xử lý theo quy định;

đ) Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn với các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH15.

2. Lập danh mục các nguồn nước mặt có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn; xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; lập hành lang bảo vệ nguồn nước mặt trên địa bàn; báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Chỉ đạo tổ chức thu gom, xử lý chất thải nhựa trên địa bàn quản lý; chỉ đạo việc xây dựng hương ước, quy ước nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải nhựa và bảo vệ môi trường; mở rộng phạm vi thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã vùng cao trên địa bàn quản lý.

4. Địa phương nào để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nội dung, địa bàn thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của mình.

5. Thực hiện các nội dung khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định này.

Điều 17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai

1. Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường; thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

2. Thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư

Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật số 72/2020/QH15, cụ thể:

1. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có quyền yêu cầu chủ dự án đầu tư, cơ sở cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

2. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với dự án đầu tư, cơ sở đó, trừ trường hợp các thông tin này thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thực hiện biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

4. Chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện yêu cầu của đại diện cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường. Chuyển thông tin từ hệ thống tiếp nhận phản ánh của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã sang cơ quan Công an đối với các phản ánh có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, tái phạm hoặc có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, định kỳ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20 tháng 3 của năm tiếp theo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thực hiện Luật số 72/2020/QH15, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và Quy định này.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp phổ biến, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện Quy định này.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến Quy định này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy định này được phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện đến tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, cán bộ, người dân trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.